

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Chu Thị Hồng Nhật

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: phường Tr, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Lại Trung M, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: phường Tr, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 07 năm 2018 và trong quá giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Lại Trung M tự nguyện tìm hiểu, yêu và được sự đồng ý của hai bên gia đình, chị và anh M đã tổ chức đám cưới vào năm 2010 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn do anh M có biểu hiện chơi bời và không chung thủy với chị. Trong quá trình chung sống, chị và anh M thường xuyên mâu thuẫn do anh M ăn chơi, rượu chè. Từ tháng 7 năm 2018, chị và anh M đã không còn chung sống với nhau. Nay chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh M là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị và anh M có hai con chung là Lại Bảo H, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2014 và Lại Đức A, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2011. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh M góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh M không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lại Trung M trình bày:

Do giải quyết công việc cá nhân nên anh không thể tham dự và tham gia giải quyết vụ án được. Anh và chị H có hai con chung là Lại Bảo H, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2014 và Lại Đức A, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2011. Anh và chị H đã thống nhất chị H là người trực tiếp nuôi hai con chung. Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại Biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị M là mẹ đẻ anh Lại Trung M thể hiện: Anh M và chị H được gia đình tổ chức cưới hỏi vào năm 2010 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh M, chị H phát sinh mâu thuẫn do anh M có quan hệ với người phụ nữ khác. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng và yêu cầu giải quyết con chung, anh M đã có đơn thể hiện quan điểm của anh về việc này nên bà cũng tôn trọng và nhất trí với quan điểm của anh M. Anh M vẫn hay về nhà tại thôn Nam Sơn, xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Anh hiện đang bận công việc không thể đến Tòa án làm việc vào giờ hành chính được.

Tại Biên bản lấy lời khai bà Vũ Thị Th là mẹ đẻ của chị Trần Thị Thu H thể hiện: Chị H và anh M tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2010. Quá trình chị H và anh M chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh M không chung thủy với chị H. Nay chị H yêu cầu Tòa án không công nhận cho

chị H và anh M là vợ chồng, đề nghị Tòa án giao hai con chung của chị H và anh M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà là cán bộ nghỉ hưu, có lương hưu, có thời gian rảnh, bà sẽ hỗ trợ chị H cả về vật chất và tinh thần để chị H có điều kiện nuôi con tốt nhất. Bà đề nghị Tòa án giải quyết nhanh để chị H ổn định cuộc sống.

Tại Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố Th và Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình đều thể hiện việc chị H và anh M không đăng ký kết hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện cơ bản đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, sau khi ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí ngày 16/8/2018, đã hết 7 ngày đương sự không nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án không tiến hành trả lại đơn mà đến ngày 28/8/2018 tiếp tục ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí là chưa đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Đề nghị Tòa án: Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình xử không công nhận vợ chồng giữa anh M và chị H; căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Luật hôn nhân và gia đình xử giao hai con Lại Đức A và Lại Bảo H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản: Không xem xét giải quyết; căn cứ Điều 24, 26 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị H, bị đơn anh M đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

* Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh M tự nguyện tìm hiểu, yêu và tổ chức đám cưới vào năm 2010, chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng do đó căn cứ Điều khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị H là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh M.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh M có hai con chung là Lại Bảo H, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2014 và Lại Đức A, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2011. Chị H và anh M đều trình bày thống nhất: Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị H không yêu cầu anh M phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị. Xét thấy việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị H và anh M là hoàn toàn tự nguyện, không có tranh chấp, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội do đó căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[4] Về chia tài sản: Chị H và anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh M có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu H và anh Lại Trung M.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Lại Bảo H, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2014 và Lại Đức A, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2011 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Lại Trung M không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Anh Lại Trung M có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Chị H và anh M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007230 ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H và anh Lại Trung M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Hưng